

## Phụ lục

**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, THỊ TRẤN**(Ban hành kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của UBND huyện)

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC</b>	<b>70</b>		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>	<b>14</b>		
<b>1.1</b>	<b>Ban hành kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hàng năm (bao gồm: Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền, Kế hoạch kiểm tra CCHC)</b>	<b>1</b>		
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC được xác định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ theo định hướng và chỉ đạo chung của huyện; mỗi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phải phân công trách nhiệm và quy định thời gian hoàn thành.</i>	<i>0.5</i>		
<b>1.2</b>	<b>Mức độ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính</b>	<b>1</b>		
	<i>Điểm được tính theo công thức: <math>(b/a)*1</math>. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo Kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>			
<b>1.3</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>2</b>		
	<i>Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Mức độ đa dạng trong tuyên truyền cải cách hành chính</i>	<i>1.5</i>		
<b>1.4</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về CCHC</b>	<b>1</b>		
	<i>Thực hiện đầy đủ báo cáo, đảm bảo nội dung, thời gian quy định</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Báo cáo các nội dung chuyên đề, đột xuất về công tác CCHC</i>	<i>0.5</i>		
<b>1.5</b>	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>	<b>3</b>		
<b>1.5.1</b>	<i>Tổ chức tự kiểm tra quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp xã; quy trình giải quyết hồ sơ TTHC tại các bộ phận chuyên môn của UBND cấp xã</i>	<i>1</i>		
<b>1.5.2</b>	<i>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>1</i>		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	100% các tồn tại, hạn chế kiến nghị sau kiểm tra đã được xử lý, khắc phục	1		
	Dưới 100% các tồn tại, hạn chế kiến nghị sau kiểm tra đã được xử lý, khắc phục	0		
1.5.3	Công tác khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC huyện	1		
	<i>100% nội dung tồn tại, hạn chế sau kiểm tra được đơn vị khắc phục theo đúng quy định.</i>	1		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% nội dung tồn tại, hạn chế sau kiểm tra được đơn vị khắc phục theo đúng quy định.</i>	0.5		
	<i>Từ 60% đến dưới 80% nội dung tồn tại, hạn chế sau kiểm tra được đơn vị khắc phục theo đúng quy định.</i>	0.25		
	<i>Dưới 60% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0		
1.6	<b>Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b>	1		
	Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1+(c/a)*0,5$ . Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao.</i> <i>b là số nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ.</i> <i>c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i>			
1.7	<b>Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC</b>	2		
1.7.1	Trực tiếp phụ trách công tác CCHC, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; có văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị về công tác CCHC của huyện (trường hợp người đứng đầu không thể tham dự được với lý do chính đáng thì có thể ủy quyền cho cấp phó tham dự)	0.5		
1.7.2	Có tổ chức gặp gỡ, trao đổi, đối thoại với người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa phương và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	0.5		
1.7.3	Tổ chức quán triệt, phân tích, rút kinh nghiệm về chỉ số CCHC sau khi UBND huyện công bố:	1		
	<i>Có tổ chức Hội nghị, cuộc họp quán triệt</i>	0.5		
	<i>Ban hành văn bản chỉ đạo, rút kinh nghiệm và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác CCHC</i>	0.5		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
<b>1.8</b>	<b>Công tác tổng kết phong trào thi đua CCHC hàng năm</b>	<b>3</b>		
1.8.1	Có ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua và tổ chức hội nghị đánh giá tổng kết	0.5		
1.8.2	Có bình xét thi đua, khen thưởng	0.5		
1.8.3	Có sáng kiến mới về CCHC phát huy hiệu quả tại địa phương	2		
<b>2</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>	<b>4</b>		
<b>2.1</b>	<b>Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>1</b>		
	<i>100% VBQPPL ban hành đảm bảo thẩm quyền, trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định</i>	<i>1</i>		
	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành đảm bảo thẩm quyền, trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định</i>	<i>0</i>		
<b>2.2</b>	<b>Thực hiện rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do địa phương ban hành theo đúng quy định</b>	<b>1</b>		
	<i>Có ban hành Kế hoạch và thực hiện chế độ báo cáo (kể cả kế hoạch giai đoạn nếu có)</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</i>	<i>0.5</i>		
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản sau rà soát, kiểm tra và kiến nghị</b>	<b>1</b>		
	<i>100% văn bản đã hoàn thành việc xử lý</i>	<i>1</i>		
	<i>Dưới 100% văn bản đã hoàn thành việc xử lý</i>	<i>0</i>		
<b>2.4</b>	<b>Ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</b>	<b>1</b>		
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>8</b>		
<b>3.1</b>	<b>Rà soát, đánh giá, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch</b>	<b>2</b>		
	<i>Có phương án giảm thời gian giải quyết TTHC bảo đảm thực chất</i>	<i>1</i>		
	<i>Có phương án đơn giản hóa TTHC cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC được UBND tỉnh thông qua đối với ít nhất 01 TTHC</i>	<i>1</i>		
<b>3.2</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>	<b>3</b>		
	<i>100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn</i>	<i>3</i>		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Từ 97% đến dưới 100% hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 3.00)/(100\%)]</math></i>			
	<i>Dưới 97% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn</i>	0		
3.3	<b>Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, công dân trong trường hợp trả kết quả không đúng hạn (nếu xác định không trễ hạn được giữ nguyên điểm)</b>	1		
	<i>100% hồ sơ TTHC trễ hạn được xin lỗi</i>	1		
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC trễ hạn được xin lỗi thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ phải xin lỗi} \times 1.00)/(100\%)]</math></i>			
3.4	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	2		
3.4.1	Có công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về TTHC theo quy định	1		
3.4.2	Xử lý phản ánh kiến nghị về TTHC	1		
	<i>100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	1		
	<i>Dưới 100% phản ánh kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0		
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	9		
4.1	<b>Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy kịp thời và đảm bảo theo quy định của cấp có thẩm quyền</b>	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định</i>	1		
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời</i>	0		
4.2	<b>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế cán bộ, công chức được giao (bao gồm cả số lượng người hoạt động không chuyên trách)</b>	1		
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế cán bộ, công chức được giao</i>	1		
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế cán bộ, công chức được giao</i>	0		
4.3	<b>Thông báo phân công nhiệm vụ kịp thời, phù hợp với quy định và thực tế của địa phương</b>	1		
	<i>Kịp thời, đầy đủ, phù hợp với quy định và thực tế của địa phương</i>	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Chưa kịp thời, đầy đủ; chưa phù hợp với quy định và thực tế của địa phương</i>	0		
<b>4.4</b>	<b>Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về biên chế, tổ chức bộ máy theo quy định</b>	<b>1</b>		
	<i>Thực hiện đảm bảo thời gian và nội dung quy định</i>	1		
	<i>Thực hiện không đảm bảo thời gian và nội dung quy định</i>	0		
<b>4.5</b>	<b>Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định</b>	<b>4</b>		
4.5.1	Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành	1		
4.5.2	Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ các nội dung đã được UBND huyện phân cấp, ủy quyền	1		
	<i>Có báo cáo kết quả kiểm tra</i>	0.5		
	<i>Có kiến nghị và theo dõi kết quả sau kiểm tra</i>	0.5		
4.5.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đối với các nội dung đã được phân cấp, ủy quyền.	2		
<b>4.6</b>	<b>Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về CCVC của tỉnh (đúng - đủ - sạch - sống)</b>	<b>1</b>		
	Cập nhật đầy đủ, kịp thời: 01	1		
	Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0			
<b>5</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>7</b>		
<b>5.1</b>	<b>Tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định hiện hành</b>	<b>1</b>		
	<i>100% cán bộ đạt chuẩn theo quy định</i>	0.5		
	<i>100% công chức đạt chuẩn theo quy định</i>	0.5		
<b>5.2</b>	<b>Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đầy đủ, kịp thời, đúng quy định</b>	<b>0.5</b>		
	<i>Đầy đủ, kịp thời, đúng quy định</i>	0.5		
	<i>Chưa đầy đủ, kịp thời và chưa đúng quy định</i>	0		
<b>5.3</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	<b>1</b>		
	<i>Xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm đúng quy định</i>	0.5		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>CBCC tham gia đầy đủ, đúng đối tượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh, huyện tổ chức</i>	0.5		
<b>5.4</b>	<b>Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo kế hoạch của huyện</b>	<b>1</b>		
	<i>Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo Kế hoạch</i>	1		
	<i>Chưa thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đảm bảo theo Kế hoạch</i>	0		
<b>5.5</b>	<b>Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức</b>	<b>2</b>		
5.5.1	Gửi kết quả đánh giá về Phòng Nội vụ đúng thời gian quy định	1		
5.5.2	Tỷ lệ CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ	1		
	<i>100% CBCC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	1		
	<i>Từ 80% đến dưới 100% CBCC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	0.5		
	<i>Dưới 80% CBCC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	0		
<b>5.6</b>	<b>Thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ</b>	<b>1</b>		
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ</i>	1		
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ</i>	0		
<b>5.7</b>	<b>Thực hiện việc kê khai tài sản cán bộ, công chức theo quy định</b>	<b>0.5</b>		
	<i>Thực hiện đầy đủ quy trình theo quy định</i>	0.5		
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ theo quy định</i>	0		
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>6</b>		
<b>6.1</b>	<b>Thực hiện công khai tài chính đầy đủ theo quy định</b>	<b>1.5</b>		
6.1.1	Công khai tài chính về dự toán đầu năm trình HĐND (BM,TG,HT )	0.2		
6.1.2	Công khai tài chính về dự toán đầu năm của UBND (BM,TG,HT )	0.25		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
6.1.3	Công khai tài chính về thực hiện dự toán quý, I, II, III, IV, CN (BM,TG,HT )	0.25		
6.1.4	Công khai tài chính về quyết toán dự toán (Biểu mẫu, Thời gian, Hình thức )	0.2		
6.1.5	Công khai quỹ PCTT, quỹ ủng hộ người nghèo . . . (BM,TG,HT )	0.2		
6.1.6	Công khai dự toán danh mục đầu tư (BM,TG,HT )	0.2		
6.1.7	Công khai quyết toán vốn đầu tư ( BM,TG,HT )	0.2		
<b>6.2</b>	<b>Xây dựng quy chế tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí tại đơn vị theo quy định và quy chế sử dụng tài sản công của đơn vị</b>	<b>1</b>		
	<i>Có xây dựng đầy đủ, chất lượng của quy chế tự chủ và thực hiện tốt</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Có xây dựng đầy đủ, chất lượng của quy chế sử dụng tài sản và thực hiện tốt</i>	<i>0.5</i>		
<b>6.3</b>	<b>Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</b>	<b>0.5</b>		
	<i>Đã thực hiện 100% kiến nghị</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kiến nghị</i>	<i>0.2</i>		
	<i>Thực hiện dưới 90% kiến nghị</i>	<i>0</i>		
<b>6.4</b>	<b>Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách</b>	<b>1</b>		
	<i>Thực hiện xây dựng và gửi các báo cáo đúng mẫu , đúng thời hạn</i>	<i>1</i>		
	<i>Không thực hiện xây dựng và gửi các báo cáo đúng mẫu , đúng thời hạn</i>	<i>0</i>		
<b>6.5</b>	<b>Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước</b>	<b>1</b>		
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % giải ngân KH đầu tư vốn NSNN x 1.00)/100%]</i>	<i>1</i>		
<b>6.6</b>	<b>Thực hiện quản lý các phần mềm</b>	<b>1</b>		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
6.6.1	Phần mềm quản lý tiền lương	0.2		
6.6.2	Phần mềm quản lý đầu tư	0.2		
6.6.3	Phần mềm quản lý tài sản	0.2		
6.6.4	Phần mềm kế toán	0.2		
6.6.5	Phần mềm quản lý ngân sách	0.2		
<b>7</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ</b>	<b>19</b>		
<b>7.1</b>	<b>Ban hành đầy đủ các Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương</b>	<b>1</b>		
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử theo Luật Tiếp cận thông tin</b>	<b>1</b>		
	<i>Cung cấp thông tin đầy đủ theo Luật Tiếp cận thông tin</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Cung cấp thông tin người phát ngôn báo chí và đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin</i>	<i>0.5</i>		
<b>7.3</b>	<b>Hạ tầng thông tin cơ bản tại cấp xã</b>	<b>2</b>		
7.3.1	Thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN	1		
	<i>- Có thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN và có sơ đồ thiết kế quản trị hệ thống mạng LAN: 1</i>			
	<i>- Không có thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN hoặc không có sơ đồ thiết kế quản trị hệ thống mạng LAN: 0</i>			
7.3.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính tại nơi làm việc	1		
	<i>Điểm được tính theo công thức: <math>b/a * 1</math>.</i>			
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>a là tổng số CBCC tại địa phương;</i>			



STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>b là tổng số CBCC tại địa phương được trang bị máy tính tại cơ quan, đơn vị</i>			
<b>7.4</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử</b>	<b>4</b>		
7.4.1	Tỷ lệ văn bản được trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật)	2		
	<i>100% văn bản được xử lý dưới dạng điện tử</i>	2		
	<i>Dưới 100% văn bản được xử lý dưới dạng điện tử</i>	0		
7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được lập và xử lý dưới dạng điện tử (căn cứ theo Danh mục hồ sơ công việc của UBND cấp xã; không ban hành danh mục hồ sơ công việc thì không tính điểm)	2		
	<i>Từ 80% trở lên hồ sơ công việc được lập</i>	2		
	<i>Dưới 0% công việc được lập hồ sơ công việc thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ % hoàn thành <math>\times</math> 2.00)/(80%)]</i>			
<b>7.5</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>8</b>		
7.5.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	1		
	<i>Điểm được tính theo công thức: <math>b/a \times 1</math>. Trong đó: a là số DVCTT có phát sinh hồ sơ (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến); b là số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</i>			
7.5.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	2		
	<i>Điểm được tính theo công thức: <math>(b/a) \times 2</math>. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của các DVCTT (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của các DVCTT (không sử dụng bản giấy) Nếu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thấp hơn chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</i>			
7.5.3	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Điểm được tính theo công thức: <math>(b/a)*1</math>.</p> <p>Trong đó:</p> <p><math>a</math> là số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến);</p> <p><math>b</math> là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p>			
7.5.4	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	2		
	<p>Điểm được tính theo công thức: <math>(b/a)*2</math>. Trong đó:</p> <p><math>a</math> là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá</p> <p><math>b</math> là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p> <p>Nếu tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến thấp hơn chỉ tiêu hồ sơ thanh toán trực tuyến do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>			
7.5.5	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	2		
	<p>Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:</p> <p>Tính điểm theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ \%} * 1) / 100\%</math></p> <p>Nếu tỷ lệ số hóa thấp hơn chỉ tiêu do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>			
	<p>Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử:</p> <p>Tính điểm theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ \%} * 1) / 100\%</math></p> <p>Nếu tỷ lệ cấp kết quả điện tử thấp hơn chỉ tiêu do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>			
7.6	Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử	2		
	<p>Điểm được tính theo công thức: <math>(b/a)*2</math>. Trong đó:</p> <p><math>a</math> là tổng số hồ sơ chứng thực</p> <p><math>b</math> là số hồ sơ chứng thực điện tử</p>			
7.7	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Có giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp đối với ít nhất 02 dịch vụ công trực tuyến: 0,5</i>			
	<i>Có giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp đối với ít nhất 03 dịch vụ công trực tuyến: 0,5</i>			
<b>8</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>	<b>3</b>		
<b>8.1</b>	<b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND cấp huyện giao</b>	<b>1</b>		
	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$ . Trong đó: a là tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch b là số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch.			
<b>8.2</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm theo chỉ tiêu được giao</b>	<b>1</b>		
	<i>- Vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên</i>	<i>1</i>		
	<i>- Vượt chỉ tiêu từ 2% - dưới 4%</i>	<i>0,5</i>		
	<i>- Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2%</i>	<i>0,25</i>		
<b>8.3</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) thành lập mới trong năm</b>	<b>1</b>		
	<i>Tăng từ 20% trở lên so với năm trước liền kề</i>	<i>1</i>		
	<i>Tăng dưới 20% so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % tăng doanh nghiệp thành lập mới x 1.00)/20%]</i>			
<b>II</b>	<b>ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN</b>	<b>30</b>		
	<b>ĐIỂM TỔNG CỘNG</b>	<b>100</b>		
<b>III</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG – ĐIỂM TRỪ</b>			
<b>1</b>	<b>Điểm thưởng</b>			
<b>1.1</b>	Có nội dung đột phá thật sự vượt trội, chuyển biến mạnh mẽ, tiêu biểu, hoàn thành vượt chỉ tiêu trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính	<b>1</b>		
<b>1.2</b>	Có đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC được UBND tỉnh thông qua	<b>1</b>		
<b>2</b>	<b>Điểm trừ</b>			

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
2.1	Gửi hồ sơ tự chấm điểm trễ hạn quy định hoặc tự chấm điểm không, không có cơ sở, chênh lệch quá 20% điểm so với điểm thẩm định của Hội đồng thẩm định	1		
2.2	Đề xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong xử lý công việc	1		

|



|

|



|

|



|







